

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Phương;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh L, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 14, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/4/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Huỳnh L và chị Huỳnh Thị C trình bày thể hiện: Về hôn nhân giữa anh Huỳnh L với Huỳnh Thị C tự tìm hiểu yêu thương, anh, chị tự nguyện về sống chung với nhau vào năm 2003 không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và chị C bế con đi từ năm 2009 cho đến nay. Anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với chị C.

Chị C đồng ý ly hôn với anh L.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa anh L với chị C có với nhau 02 đứa con chung tên Huỳnh Văn T, sinh 13/9/2004 và Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 20/5/2006. Hiện cháu D sống với chị C, cháu T sống với anh L, khi ly hôn chị C nuôi cháu D và anh L nuôi cháu T, anh L với chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Giữa anh Huỳnh L với chị Huỳnh Thị C thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ chung: Giữa anh Huỳnh L với chị Huỳnh Thị C thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành, do hai người không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, anh L và chị C giữ nguyên yêu cầu.

Anh L với chị C xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Anh Huỳnh L khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

*Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Huỳnh L với Huỳnh Thị C tự tìm hiểu yêu thương nhau trước được cha mẹ hai bên đồng ý, anh, chị tự nguyện về sống chung với nhau vào năm 2003 không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và chị C bế con đi từ năm 2009 cho đến

nay. Anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với chị C. Chị C đồng ý ly hôn với anh L.

Xét thấy yêu cầu của anh L xin ly hôn với chị C. Chị C cũng đồng ý ly hôn với anh L, nhưng do 02 người không có đăng ký kết hôn nên không được công nhận thuận tình ly hôn.

Như vậy cho thấy giữa anh Huỳnh L với chị Huỳnh Thị C, hai người sống chung với nhau vào năm 2003, khi đó cả hai người đều đã đến tuổi đăng ký kết hôn. Nhưng giữa anh L với chị C không thực hiện nghĩa vụ đi đăng ký kết hôn, nên quan hệ giữa anh L với chị C không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX nên tuyên không công nhận giữa anh L với chị C là vợ chồng, phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa anh L với chị C có với nhau 02 đứa con chung tên Huỳnh Văn T, sinh 13/9/2004 và Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 20/5/2006. Hiện cháu D sống với chị C, cháu T sống với anh L. Nay anh L với chị C thống nhất thỏa thuận với nhau chị C nuôi cháu D và anh L nuôi cháu T, anh L với chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh L với chị C là phù hợp pháp luật. Được Hội đồng xét xử công nhận.

Anh L với chị C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh L với chị C trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L với chị C thống nhất với nhau hai người không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Huỳnh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh L được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001211 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Huỳnh Thị C không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số*

*326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận giữa anh Huỳnh L với chị Huỳnh Thị C là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự thỏa thuận giữa anh Huỳnh L với chị Huỳnh Thị C giao cháu Huỳnh Văn T, sinh 13/9/2004 cho anh L nuôi đại và chị Huỳnh Thị C nuôi đại cháu Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 20/5/2006. Anh Huỳnh L với chị Huỳnh Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L với chị C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh L với chị C trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh L với chị Huỳnh Thị C thống nhất với nhau hai người không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Huỳnh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh L được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001211 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Huỳnh Thị C không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thế Minh**

